



MỨC ĐỘ SẴN SÀNG HỌC TRỰC TUYẾN CỦA SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM, ĐẠI HỌC HUẾ

Nguyễn Thị Hà

Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế, 34 Lê Lợi, tp. Huế
Tác giả liên hệ: Nguyễn Thị Hà < nguyenthaha@dhsphue.edu.vn >

(Ngày nhận bài: 08-01-2022; Ngày chấp nhận đăng: 22-06-2022)

Tóm tắt. Tổ chức học trực tuyến hiện nay đang được xem là giải pháp tốt nhất để nhà trường thích ứng với đại dịch Covid 19. Mức độ sẵn sàng học trực tuyến có mối quan hệ mật thiết với kết quả học tập và sự hài lòng trong học tập trực tuyến. Nghiên cứu này nhằm mục đích điều tra mức độ sẵn sàng trong học tập trực tuyến của sinh viên trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế bằng thang đo Sự sẵn sàng học trực tuyến (OLRS). 300 sinh viên (khối năm thứ nhất, năm thứ hai, năm thứ ba và năm thứ tư) trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế đã hoàn thành bảng hỏi. Kết quả nghiên cứu cho thấy sinh viên có mức độ sẵn sàng cao ở động lực học tập và thấp ở kiểm soát việc học, tự định hướng việc học tập, tự hiệu quả về sử dụng máy tính/Internet trong học tập và tự hiệu quả về giao tiếp trực tuyến; không có sự khác biệt có ý nghĩa về mặt thống kê về mức độ sẵn sàng học trực tuyến của sinh viên theo giới tính và khối lớp.

Từ khóa: Đại học Sư phạm, Đại học Huế, Học trực tuyến, Sẵn sàng học trực tuyến, Sinh viên.

ONLINE LEARNING READINESS LEVEL AMONG STUDENTS AT HUE UNIVERSITY OF EDUCATION, HUE UNIVERSITY

Nguyen Thi Ha

University of Education, Hue University, 34 Le Loi St., Hue, Vietnam

* Correspondence to Nguyen Thi Ha < thuytrang23988@gmail.com >

(Received: January 10, 2021; Accepted: March 07, 2022)

Abstract. Online learning is currently considered the best solution for schools to adapt to the Covid-19 pandemic. There is a significant relationship between the students' readiness in online learning and their Satisfaction and Academic Achievement. This study aims to find out the online learning readiness level among students at Hue University of Education, Hue University. To this end, Online Learning Readiness

Scale (OLRS) has been used as data collection tools. There are 300 students (1st-year students, 2nd-year students, 3rd-year students, 4th-year students) completed the scale. This study found that students' readiness levels were high in motivation for learning and were low in learner control, self-directed learning, computer/Internet self-efficacy and online communication self-efficacy; there are no significant differences in the level of online learning readiness in gender and level.

Keywords: Hue University of Education, Hue University, Online learning, Online learning readiness, Student.

1. Đặt vấn đề

Sự bùng phát bất ngờ của căn bệnh chết người Covid-19 do Virus Corona (SARS-CoV-2) gây ra đã làm rung động toàn thế giới. Tổ chức Y tế Thế giới tuyên bố nó là một *đại dịch* [23]. Tình hình này đã thách thức hệ thống giáo dục trên toàn thế giới và buộc các nhà giáo dục trong một thời gian rất ngắn, thậm chí ngay trong đêm phải chuyển sang phương thức giảng dạy trực tuyến [3]. Cho đến hiện tại, việc bình thường hóa hoạt động giáo dục trong nhà trường vẫn chưa được thực hiện. Các nhà trường trong đó có Trường Đại học Sư phạm Huế, Đại học Huế đã và đang xây dựng phương án tối ưu để đối phó với tình huống đầy thách thức này. Học tập trực tuyến hiện đang được xem như là một lợi thế giúp các trường vượt qua được thách thức trước đại dịch.

Học trực tuyến là trải nghiệm học tập trong môi trường đồng bộ hoặc không đồng bộ bằng cách sử dụng các thiết bị khác nhau (điện thoại di động, máy tính xách tay, v.v.) có truy cập internet. Trong học tập không đồng bộ, sinh viên có thể tham gia vào quá trình học tập bất cứ khi nào họ muốn, còn học tập đồng bộ thì sự tương tác và giao tiếp được diễn ra trong cùng một khoảng thời gian [19]. Cơ hội học tập linh hoạt là ưu thế đặc trưng của học trực tuyến, từ đó có khả năng nâng cao chất lượng và khả năng tiếp cận giáo dục cho người học. Những nghiên cứu được tìm thấy chỉ ra rằng, dạy học trực tuyến chịu sự chi phối của 3 yếu tố cốt lõi gồm: yếu tố về người học, yếu tố về người dạy và yếu tố về nội dung chương trình [13]. Trong đó, các yếu tố về người học được xác định là Sự sẵn sàng học trực tuyến, Sự tham gia vào quá trình học tập và yếu tố Văn hóa.

Sự sẵn sàng trong học tập được xem là những yếu tố bên trong để giúp sinh viên đạt được thành công trong học tập [20]. Với ý nghĩa đó, các nhà nghiên cứu đã nỗ lực nghiên cứu và đo lường mức độ sẵn sàng của sinh viên trong việc học trực tuyến nhằm giúp người học, người dạy có những định hướng cụ thể để nâng cao hiệu quả học tập [2, 4, 5, 7, 9, 10, 11, 12, 14, 22]. Kết quả nghiên cứu cho thấy sinh viên đã sẵn sàng cho học trực tuyến tuy nhiên ở những mức độ khác nhau, sự sẵn sàng học trực tuyến như một chiến lược để đạt được kết quả học tập tốt [12, 17], nâng cao sự hài lòng của sinh viên đối với việc học tập [12]. Sự sẵn sàng học trực tuyến có mối quan hệ tích cực với trí thông minh cảm xúc [5] và chịu ảnh hưởng tích cực của thái độ học tập trực tuyến của sinh viên [8]. Mức độ sẵn sàng học trực tuyến không khác nhau giữa nhóm sinh

viên nam và nữ [2, 7, 12]. Nghiên cứu của Taskin và Erzurumlu [21] lại phát hiện có sự khác biệt về mức độ sẵn sàng học trực tuyến giữa sinh viên nam và nữ. Sinh viên ở những năm học sau có mức độ sẵn sàng trong học trực tuyến cao hơn những năm học trước đó [7, 2]. Phát hiện của Taskin và Erzurumlu [21] lại cho thấy không có sự khác biệt về mức độ sẵn sàng học trực tuyến giữa sinh viên các khối lớp. Như vậy, sự khác biệt về mức độ sẵn sàng học trực tuyến theo giới tính và khối lớp không phải lúc nào cũng luôn đúng.

Dựa trên những nghiên cứu trước đó, Hung và cộng sự (2010) đã xây dựng thang đo về sự sẵn sàng học trực tuyến và thực hiện nghiên cứu khám phá về sự sẵn sàng học trực tuyến của sinh viên đại học tại Đài Loan. Thang đo gồm năm nhóm yếu tố là: *Tự tin về hiệu quả sử dụng máy tính/Internet trong học tập*, là nhận thức, niềm tin và kỳ vọng của cá nhân người học vào khả năng sử dụng máy tính và Internet để hoàn thành một nhiệm vụ học tập; *Tự định hướng việc học tập*, là khả năng tự chịu trách nhiệm trong việc xác định nhu cầu học tập, thiết lập mục tiêu học tập và thực hiện các chiến lược học tập cũng như đánh giá quá trình học tập của bản thân; *Kiểm soát việc học tập*, là mức độ người học có thể điều khiển quá trình học tập của mình; *Động lực học tập*, bao gồm động cơ bên trong và bên ngoài của người học và *Tự tin về hiệu quả giao tiếp trực tuyến*, là nhận thức, niềm tin và kỳ vọng của người học về khả năng giao tiếp trực tuyến. Thang đo sau đó được nghiên cứu thích ứng và đo lường mức độ sẵn sàng học trực tuyến ở nhiều nước như Malaysia, Thổ Nhĩ Kỳ, Thái Lan, Sri Lanka, Nigêria, Indonesia.

Tại Việt Nam, theo hiểu biết của tác giả, nghiên cứu về Sự sẵn sàng học trực tuyến của sinh viên còn mới. Nhằm lấp đầy khoảng trống trong tài liệu, nghiên cứu của chúng tôi điều tra mức độ sẵn sàng học trực tuyến của sinh viên Đại học Sư phạm, Đại học Huế.

Dựa vào các nghiên cứu trước đây, nghiên cứu này nhằm kiểm tra các giả thuyết sau đây:

Giả thuyết 1: Đa số sinh viên trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế đã sẵn sàng học trực tuyến ở mức độ trung bình.

Giả thuyết 2: Mức độ sẵn sàng học trực tuyến khác nhau theo giới tính.

Giả thuyết 3: Mức độ sẵn sàng học trực tuyến khác nhau theo khối lớp.

2. Phương pháp nghiên cứu

2.1. Mẫu nghiên cứu

Nghiên cứu được tiến hành vào gần cuối Học kỳ I năm học 2021-2022 tại trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế. Thông qua giảng viên giảng dạy học phần và lớp trưởng các lớp, sinh viên được giới thiệu về mục đích của nghiên cứu và cách thức tham gia nghiên cứu. Sau khi đồng ý tham gia nghiên cứu, sinh viên nhận được phiếu khảo sát qua Zalo và có thời gian một vài ngày để trả lời. Tổng cộng đã có 332 sinh viên hoàn thành phiếu khảo sát. Tuy nhiên, sau khi loại những phiếu trả lời không hợp lệ, chỉ còn 300 phiếu trả lời hợp lệ. Mẫu gồm có 258 nữ (chiếm

86%), 42 nam (chiếm 14%), khối năm thứ nhất là 76 sinh viên (chiếm 25,3 %), khối năm thứ hai là 87 sinh viên (chiếm 29,0%), khối năm thứ ba là 65 sinh viên (chiếm 21,7%), khối năm thứ tư là 72 sinh viên (chiếm 24,0%).

2.2. Công cụ nghiên cứu

Để đánh giá mức độ sẵn sàng học trực tuyến của sinh viên, tác giả sử dụng Thang đo Sự sẵn sàng học trực tuyến (Online Learning Readiness Scale, OLRs) do Hung và cộng sự [7] xây dựng. Thang đo chia thành 5 tiểu thang đo với 18 Item theo các nhóm yếu tố khác nhau của Sự sẵn sàng học trực tuyến: Tự tin về hiệu quả sử dụng máy tính/Internet trong học tập (3 Item), Tự định hướng việc học tập (5 Item), Kiểm soát việc học tập (3 Item), Động lực học tập (4 Item) và Tự hiệu quả về giao tiếp trực tuyến (3 Item). Thang đo được đánh giá trên thang Likert 5 mức độ từ 1 (rất không đồng ý) đến 5 (rất đồng ý).

Thang đo nguyên gốc bằng tiếng Anh đã được dịch thuật và chuyển ngữ sang tiếng Việt. Để đảm bảo tính chính xác và tôn trọng bản gốc, bản thảo đã được dịch bởi người có trình độ chuyên ngành ngôn ngữ Tiếng Anh. Sau khi hiệu chỉnh, tác giả tiến hành điều tra thử nghiệm trên 10 sinh viên để kiểm tra, hiệu chỉnh lại. Sau khi hiệu chỉnh lần thứ hai, bảng câu hỏi được sử dụng để thu thập dữ liệu nghiên cứu.

Thang đo OLRs được Hung và cộng sự [7] đánh giá độ tin cậy bằng cách sử dụng dữ liệu thu thập trên đối tượng khảo sát là 1051 sinh viên của ba trường Đại học tại Đài Loan. Hệ số tin cậy Cronbach's Alpha được xác định như sau: Tự tin về hiệu quả sử dụng máy tính/Internet trong học tập là 0,74; Tự định hướng việc học tập là 0,87; Kiểm soát việc học tập là 0,73; Động lực học tập là 0,84 và Tự tin về hiệu quả giao tiếp trực tuyến là 0,87.

Trong nghiên cứu này, thang đo cũng được kiểm tra hệ số tin cậy Cronbach's Alpha. Kết quả cho thấy hệ số tin cậy Cronbach's Alpha của Thang đo là: Tự tin về hiệu quả sử dụng máy tính/Internet trong học tập là 0,83; Tự định hướng việc học tập là 0,91; Kiểm soát việc học tập 0,83; Động lực học tập là 0,84 và Tự tin về hiệu quả giao tiếp trực tuyến là 0,87.

Với giá trị Cronbach's Alpha như vậy, có thể kết luận thang đo lường của nghiên cứu này là sử dụng được.

3. Kết quả nghiên cứu

3.1. Mức độ sẵn sàng học trực tuyến của sinh viên

Bảng 1 trình bày về mức độ sẵn sàng học trực tuyến của sinh viên. Điểm trung bình của thang đo càng cao thể hiện mức độ sẵn sàng theo tự đánh giá của sinh viên càng cao.

Kết quả ở Bảng 1 cho thấy, điểm trung bình của thang đo là 3,66 (SD=0,81), điểm trung bình của mỗi nhóm yếu tố nằm trong khoảng từ 3,56 đến 3,83 trên thang đo Liker 5 điểm. Nhóm

yếu tố có điểm trung bình thấp nhất là nhóm yếu tố *Tự tin về hiệu quả sử dụng máy tính/Internet trong học tập* ($\bar{X}=3,56$; $SD= 0,92$) và nhóm có điểm trung bình cao nhất là *Động lực học tập* ($\bar{X}=3,83$; $SD= 0,92$).

Bảng 1. Mức độ sẵn sàng học trực tuyến của sinh viên

Tiểu thang đo/Thang đo	M	SD
Tôi cảm thấy rất tự tin trong việc sử dụng các ứng dụng của Microsoft Office như : Word, Excel, PowerPoint,...	3,51	1,04
Tôi cảm thấy tự tin về những kiến thức và kỹ năng trong quản lý phần mềm học trực tuyến.	3,47	0,99
Tôi cảm thấy tự tin khi sử dụng Internet để tìm kiếm hoặc thu thập thông tin cho việc học trực tuyến.	3,69	1,10
Tự tin về hiệu quả sử dụng máy tính/Internet trong học tập	3,56	0,90
Tôi xây dựng và thực hiện kế hoạch học tập.	3,71	0,95
Tôi tìm sự hỗ trợ khi gặp khó khăn trong học tập.	3,79	0,99
Tôi quản lý thời gian tốt.	3,40	1,00
Tôi thiết lập các mục tiêu học tập cho bản thân.	3,70	0,95
Tôi có kỳ vọng cao về kết quả học tập.	3,70	1,00
Tự định hướng việc học tập	3,66	0,84
Tôi có thể điều khiển quá trình học tập của mình.	3,66	0,96
Tôi không bị mất tập trung vì những hoạt động trực tuyến khác (trả lời tin nhắn khẩn, lướt mạng) khi học trực tuyến.	3,42	1,05
Tôi có kế hoạch nghiên cứu tài liệu hướng dẫn học trực tuyến.	3,81	0,98
Kiểm soát việc học tập	3,62	0,86
Tôi sẵn sàng đón nhận những ý tưởng mới.	3,95	0,98
Tôi có động lực để học.	3,76	1,03
Tôi học tập và tiến bộ từ những sai lầm trong quá trình học.	3,82	1,00
Tôi thích chia sẻ suy nghĩ của mình với những người khác.	3,75	0,99
Động lực học tập	3,83	0,92
Tôi thấy tự tin trong việc sử dụng những công cụ trực tuyến (email, các ứng dụng trò chuyện) để giao tiếp hiệu quả với người khác.	3,77	1,05
Tôi cảm thấy tự tin chia sẻ về bản thân (cảm xúc, khí chất) qua văn bản (tin nhắn, bình luận...)	3,61	0,99
Tôi thấy tự tin nêu câu hỏi khi thảo luận trực tuyến.	3,51	1,04
Tự tin về hiệu quả giao tiếp trực tuyến	3,63	0,91
Sự sẵn sàng học trực tuyến (OLRS)	3,66	0,81

Hai yếu tố có điểm trung bình thấp nhất là *Tôi quản lý tốt thời gian* ($\bar{X}=3,40$; $SD=1,00$) và *Tôi không bị mất tập trung vì những hoạt động trực tuyến khác khi học trực tuyến* ($\bar{X}=3,42$; $SD=1,05$).

Còn hai yếu tố có điểm trung bình cao nhất là *Tôi sẵn sàng đón nhận những ý tưởng mới* (ĐTB=3,95; SD=0,98) và *Tôi học tập và tiến bộ từ những sai lầm trong quá trình học* (ĐTB=3,82 ; SD=1,00).

3.2 Sự khác biệt giữa nam và nữ về mức độ sẵn sàng học trực tuyến

Để kiểm tra sự khác biệt về mức độ sẵn sàng học trực tuyến giữa nhóm sinh viên nam và nhóm sinh viên nữ, chúng tôi tiến hành phân tích phương sai đa biến (Manova). Kết quả phân tích được trình bày ở Bảng 2. Kết quả ở Bảng 2 cho thấy không có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê về mức độ sẵn sàng học trực tuyến giữa 2 nhóm sinh viên nam và nữ.

Bảng 2. Sự khác biệt về mức độ sẵn sàng học trực tuyến giữa nam và nữ

	Giới				F	P	Kích thước hiệu ứng
	Nam	SD	Nữ	SD			
Tự tin về hiệu quả sử dụng máy tính/Internet trong học tập	3,68	0,94	3,540	0,89	0,912	0,340	0,003
Tự định hướng việc học tập	3,77	0,80	3,65	0,84	0,712	0,400	0,002
Kiểm soát việc học tập	3,70	0,85	3,62	0,86	0,250	0,618	0,001
Động lực học tập	3,79	0,90	3,83	0,93	0,070	0,791	0,000
Tự tin về hiệu quả giao tiếp trực tuyến	3,57	0,89	3,64	0,92	0,201	0,654	0,001
Sự sẵn sàng học trực tuyến	3,70	0,82	3,65	0,81	0,110	0,740	0,000

3.3 Sự khác biệt về mức độ sẵn sàng học trực tuyến giữa các khối lớp

Để kiểm tra sự khác biệt về mức độ sẵn sàng học trực tuyến giữa nhóm sinh viên các khối năm thứ nhất, năm thứ hai, năm thứ ba và năm thứ tư, chúng tôi tiến hành phân tích phương sai đa biến (Manova). Kết quả phân tích được trình bày ở Bảng 3.

Bảng 3. Sự khác biệt về mức độ sẵn sàng học trực tuyến giữa các khối lớp

Kết quả Bảng 3 cho thấy không có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê về mức độ sẵn sàng học trực tuyến của sinh viên giữa các khối lớp.

Tiểu thang đo	Khối lớp				F	Kích thước hiệu ứng	Phân tích hậu định
	Điểm trung bình (Độ lệch chuẩn)						
	1	2	3	4			
Tự về hiệu quả sử dụng máy tính/Internet trong học tập	3,40 (0,85)	3,81 (0,70)	3,47 (0,91)	3,52 (1,11)	3,22 *	0,03	(Khối 2)>(Khối 4)>(Khối 3)>(Khối 1)
Tự định hướng việc học tập	3,64 (0,78)	3,80 (0,62)	3,53 (0,98)	3,64 (0,99)	1,39	0,01	
Kiểm soát việc học tập	3,53 (0,78)	3,77 (0,69)	3,50 (1,00)	3,69 (0,96)	1,69	0,01	
Động lực học tập	3,82 (0,89)	4,03 (0,68)	3,65 (1,08)	3,72 (1,03)	2,64	0,03	
Tự tin về hiệu quả giao tiếp trực tuyến	3,56 (0,87)	3,81 (0,80)	3,50 (0,97)	3,61 (1,08)	1,75	0,02	
Sự sẵn sàng học trực tuyến	3,59 (0,74)	3,84 (0,60)	3,53 (0,92)	3,63 (0,97)	2,28	0,02	

Tuy nhiên, xét trong từng nhóm yếu tố thì có sự khác biệt giữa các khối lớp ở nhóm yếu tố *Tự tin về hiệu quả sử dụng máy tính/Internet* ($F=3,22$, $p < 0.5$). Trong đó nhóm sinh viên năm thứ hai có mức độ *Tự tin về hiệu quả sử dụng máy tính/Internet* cao nhất ($\bar{X}=3,81$; $SD=0,70$), sau đó đến nhóm sinh viên năm thứ tư ($\bar{X}=3,52$; $SD=1,11$), nhóm sinh viên năm thứ ba ($\bar{X}=3,47$; $SD=0,70$) và mức thấp nhất là nhóm sinh viên năm thứ nhất ($\bar{X}=3,40$; $SD=0,85$).

4. Bàn luận

4.1 *Mức độ sẵn sàng học trực tuyến của sinh viên*

Nghiên cứu đã cho thấy mức độ sẵn sàng học trực tuyến của sinh viên ở mức trung bình, cao hơn mức trung bình lý thuyết trong thang đo Liker 5 điểm là 3,0 điểm. Các nhóm yếu tố về Sự sẵn sàng học trực tuyến nằm trong khoảng hơi không đồng ý đến đồng ý vừa phải. Kết quả này tương đồng với kết quả nghiên cứu của các tác giả trước đây [2, 5, 7, 11, 21].

Nhóm yếu tố sẵn sàng học trực tuyến theo tự nhận thức của sinh viên ở mức độ cao nhất là *Động lực học tập của bản thân*. Sinh viên tự nhận thấy bản thân rất cởi mở với những ý tưởng mới của các thành viên khác, biết học hỏi và tiến bộ từ những sai lầm trong học tập, luôn có động lực để học và thích chia sẻ suy nghĩ của mình với những người khác. Đây là yếu tố rất quan trọng vì nó có quan hệ với những gì sinh viên học, cách sinh viên học và kết quả học tập của sinh viên [18].

Sau nhóm yếu tố về động lực học tập, sinh viên tự đánh giá ở mức độ cao thứ hai là nhóm yếu tố *Tự định hướng việc học tập* của bản thân. Trong đó, sinh viên biết tìm kiếm sự hỗ trợ khi gặp khó khăn, thiết lập mục tiêu học tập, lập kế hoạch học tập, tuy nhiên, sinh viên còn tự nhận thấy bản thân chưa quản lý tốt thời gian.

Đối với nhóm yếu tố *Tự tin về hiệu quả giao tiếp trực tuyến*, sinh viên còn thể hiện sự thiếu tự tin và tin tưởng vào khả năng giao tiếp trực tuyến của bản thân. Trong đó, sinh viên chưa tự tin nhất trong việc nêu ý kiến, câu hỏi và những thắc mắc của bản thân khi trao đổi, trò chuyện, thảo luận trực tuyến, sau đó là chưa thoải mái, tự tin trong việc chia sẻ, thể hiện bản thân dưới dạng tin nhắn, bình luận... Kết quả này cũng đã được Hung và cộng sự [7], Chung và cộng sự [2], Kirmizi [12] phát hiện trong các nghiên cứu của họ. Điều này cho thấy, sinh viên có mức độ sẵn sàng thấp với học trực tuyến. Việc có rất ít câu hỏi được đặt ra từ phía sinh viên là một vấn đề trong các giờ học. Sinh viên rất hiếm khi nêu câu hỏi, chia sẻ thắc mắc của bản thân trong giờ học, họ có xu hướng ngồi chờ câu hỏi được cho sẵn, thậm chí câu trả lời sẵn [2].

Đối với nhóm yếu tố *Kiểm soát việc học tập học* trực tuyến của bản thân, sinh viên tự nhận thấy bản thân khi tham gia học trực tuyến còn bị phân tâm nhiều vì những hoạt động trực tuyến hoặc những công việc khác ngoài việc học và không điều khiển được quá trình học tập của bản thân. Phát hiện này tương đồng với những phát hiện trước đây của Hung và cộng sự (2010), Chung và cộng sự [2], Martin và cộng sự [14], Kirmizi [12], Taskin và Erzurumlu [21]. Việc quản lý thời gian kém thể hiện qua kết quả khảo sát yếu tố *Tôi quản lý tốt thời gian tốt* ($\bar{X}=3,40$; $SD=1,00$) theo tự đánh giá của sinh viên có thể là nguyên nhân dẫn đến việc kiểm soát học tập của sinh viên chưa cao. Quản lý thời gian để tập trung cho việc học là một thách thức với sinh viên ở các lớp học truyền thống, ở các lớp học trực tuyến nó càng trở nên thách thức hơn vì sinh viên phải tự kỷ luật, tự quản lý công việc của bản thân để tham gia xuyên suốt buổi học, khóa học trực

tuyển [15]. Do đó, điều quan trọng là sinh viên cần quản lý tốt thời gian của bản thân, có kỷ luật tự giác để dành thời gian thích hợp tham gia vào quá trình học tập.

Sinh viên tự tin và tin tưởng với mức thấp nhất trong năm nhóm yếu tố của sự sẵn sàng học trực tuyến là ở khả năng sử dụng máy tính và Internet trong học tập trực tuyến của bản thân. Trước hết, các em chưa tự tin về kiến thức và kỹ năng trong quản lý các phần mềm học trực tuyến; tiếp theo các em thiếu tự tin về việc khai thác, sử dụng các ứng dụng của Microsoft; sau đó các em thiếu tự tin về việc sử dụng Internet để tìm kiếm hay thu thập dữ liệu cho việc học trực tuyến. Phát hiện này khác với những phát hiện trước đây của Chung và cộng sự [2], Hung và cộng sự [7], Martin và cộng sự [14], ở những nghiên cứu này sinh viên có mức độ tự tin cao hơn, điểm trung bình tương ứng là 4,23; 4,37 và 4,63. Tính tự hiệu quả của việc sử dụng máy tính được xem xét như là một yếu tố có ảnh hưởng nhiều đến việc sử dụng và hiệu quả sử dụng cũng như cảm xúc và kết quả học tập của sinh viên [7]. Do đó, việc nâng cao yếu tố Tự hiệu quả về sử dụng máy tính/Internet trong học tập cho sinh viên trong mẫu nghiên cứu là rất cần thiết.

4.2 Mức độ sẵn sàng học trực tuyến của sinh viên theo giới tính và khối lớp

Xét về giới tính, kết quả nghiên cứu cho thấy, mức độ sẵn sàng học trực tuyến của sinh viên không có sự khác nhau giữa nam và nữ. Điều này cũng có nghĩa là Tự hiệu quả về sử dụng máy tính và Internet, Tự định hướng việc học tập, Động lực học tập, Tự hiệu quả về giao tiếp trực tuyến cho dù là nam hay nữ cũng không có sự khác biệt có ý nghĩa về mặt thống kê. Kết quả này cũng giống với kết quả nghiên cứu của Hung và cộng sự [7], Chung và cộng sự [2], Kirmizi [12]. Nhưng không giống với kết quả nghiên cứu của Taskin và Erzurumlu [21], nghiên cứu của họ cho rằng có sự khác biệt về mức độ Sẵn sàng học trực tuyến giữa sinh viên nam và nữ.

Xét theo khối lớp, về mức độ sẵn sàng học trực tuyến của sinh viên cho thấy không có sự khác biệt có ý nghĩa giữa các khối lớp năm thứ nhất với năm thứ hai, năm thứ ba và năm thứ tư. Kết quả này tương đồng với kết quả nghiên cứu được tìm thấy của Taskin và Erzurumlu [21], không tương đồng với những nghiên cứu được tìm thấy của Hung và cộng sự [7], Chung và cộng sự [2].

Xét ở từng nhóm yếu tố, nghiên cứu phát hiện có sự khác biệt giữa các khối lớp ở nhóm yếu tố Tự tin về hiệu quả sử dụng máy tính và Internet trong học tập. Trong đó, sinh viên năm thứ hai có mức độ cao nhất, sau đó là sinh viên năm thứ tư, năm thứ ba và năm thứ nhất. Kết quả này tương đồng với kết quả nghiên cứu của Chung và cộng sự [2], nhưng khác với phát hiện trong nghiên cứu của Hung và cộng sự [7] rằng không có sự khác biệt ở các khối lớp. Điều này có thể được giải thích bởi sinh viên năm thứ hai có sự tự tin cao hơn trong việc đánh giá về kiến thức và kỹ năng sử dụng máy tính và Internet trong học tập so với các khối khác.

5. Kết luận

Trên cơ sở tổng hợp, khái quát những nội dung lý luận về sự sẵn sàng học trực tuyến ở sinh viên, tác giả đã tiến hành điều tra, đánh giá thực trạng mức độ sẵn sàng học trực tuyến của sinh viên trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế. Kết quả nghiên cứu cho thấy, mức độ sẵn sàng học trực tuyến của sinh viên ở trên mức trung bình và không có sự khác biệt về mức độ sẵn sàng học trực tuyến giữa sinh viên nam và sinh viên nữ, và giữa sinh viên các khối lớp năm thứ nhất, năm thứ hai, năm thứ ba và năm thứ tư. Nghiên cứu cũng phát hiện sinh viên rất cởi mở với những ý tưởng mới trong quá trình học tập, biết học hỏi để tiến bộ sau những lần mắc lỗi trong học tập và có kế hoạch tìm hiểu, nghiên cứu những tài liệu học tập trực tuyến. Ngoài ra, nghiên cứu cũng đã phát hiện sinh viên còn tự đánh giá ở mức thấp với khả năng quản lý thời gian, với việc duy trì sự tập trung chú ý vào việc học, và với kiến thức và kỹ năng sử dụng máy tính và internet trong học tập của bản thân. Do đó, việc hỗ trợ để giúp sinh viên nâng cao mức độ sẵn sàng trong học trực tuyến là vấn đề cần thiết. Trong đó, việc hỗ trợ không phân biệt giới tính hay khối lớp để giúp nâng cao mức độ sẵn sàng học trực tuyến trong phạm vi toàn trường. Đồng thời, việc hỗ trợ cần tập trung nhiều hơn cho việc nâng cao kiến thức, kỹ năng sử dụng máy tính và internet vào quá trình học tập, nâng cao kỹ năng quản lý thời gian và kỹ năng giao tiếp trực tuyến.

Trong nghiên cứu này, tác giả đã đảm bảo tính khách quan, khoa học trong suốt quá trình thu thập thông tin và xử lý thông tin cũng như đưa ra những kết luận về thực trạng. Tuy nhiên, nghiên cứu vẫn còn một số hạn chế không thể tránh khỏi. Thứ nhất, kết quả nghiên cứu này dựa trên kết quả tự đánh giá của sinh viên về năm nhóm yếu tố của sự sẵn sàng học tập trực tuyến, do đó sinh viên có thể đánh giá cao hơn so với thực tế, nghiên cứu trong tương lai có thể kết hợp với đánh giá của giảng viên để có thể thu được thông tin chính xác và khách quan hơn. Thứ hai, nghiên cứu mới chỉ dừng lại trên mẫu 300 sinh viên của trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế học kỳ I năm học 2021-2022; các nghiên cứu tiếp theo có thể mở rộng phạm vi toàn trường để kết quả nghiên cứu được chính xác hơn, đồng thời có thể mở rộng nghiên cứu ở các trường Đại học khác thuộc Đại học Huế để có sự so sánh về mức độ sẵn sàng học trực tuyến của sinh viên các trường. Ngoài ra, nghiên cứu này cũng mới chỉ dừng lại ở nghiên cứu sự sẵn sàng học trực tuyến của sinh viên, các nghiên cứu trong tương lai có thể mở rộng nghiên cứu sự sẵn sàng học tập trực tuyến của sinh viên trong mối quan hệ với kết quả học tập, mở rộng nghiên cứu sự sẵn sàng dạy trực tuyến của giảng viên và sự sẵn sàng của nhà trường trong đào tạo trực tuyến.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Akuratiya, D.A; Meddage, D.N.R. Readiness for Online Learning among Students Amidst Covid-19: A Case of a Selected HEI in Srilanka. *International Journal of Research and Innovation in Social Science (IJRISS)*. 5(7), 191-197.
2. Chung, E., Noor, N.M., Mathew, N.V. (2020). Are You Ready? An Assessment of Online Learning Readiness among University Students. *International Journal of Academic Research in Progressive Education and Development*. 9(1), 301-317.
3. Dhawan, D. (2020). Online Learning: A Panacea in the Time of COVID-19 Crisis. *Journal of Educational Technology Systems*. 49(1): 5-22.
4. Doe, R., Castillo, M.S., Musyoka, M.M. (2017). Assessing Online Readiness of Students. *Online Journal of Distance Learning Administration*. 20(1).
5. Engin, M. (2017). Analysis of Students' Online Learning Readiness Based on Their Emotional Intelligence Level. *Universal Journal of Educational Research*. 5(12A): 32-40.
6. Fakinlede, C.O; Yusuf, M; Mejabi, O.V; Adegbija, V.M. (2014). Readiness for Online Learning in Higher Education: A mixed Methods Assessment of Students at a Nigerian University. *Malaysian Journal of Distance Education*. 16(1), 37-57.
7. Hung, M. L., Chou, C., Chen, C. H., Own. Z. Y. (2010). Learner readiness for online learning: Scale development and student perception. *Computers & Education*. 55(3), 1080-1090.
8. Herguner, G., Son, S.B.; Herguner S.S., Donmez, A. (2020). The Effect of Online Learning Attitudes of University Students on their Online Learning Readiness. *The Turkish Online Journal of Educational Technology*. 19(4), 102-110.
9. Kerr, M. S., Rynearson, K. & Kerr, M. C. (2006). Student characteristics for online learning success. *Internet and Higher Education*. 9(2), 91-105.
10. Küsel, J., Martin, F., and Markic, S. (2020). University Students' Readiness for Using Digital Media and Online Learning - Comparison between Germany and the USA. *Education Sciences*. 10(11), 313.
11. Kayaoğlu, M.N & Akbaş, R.D. (2016). Online Learning Readiness: A Case Study in the Field of English for Medical Purposes. *Participatory Educational Research (PER)*. 4(2), 212-220.
12. Kırmızı, Ö. (2015). The Influence of Learner Readiness on Student Satisfaction and Academic Achievement in an Online Program at Higher Education. *The Turkish Online Journal of Educational Technology*. 14(1), 133-142.

13. Kebritchi, M., Lipschuetz, A., Santiago, Li. (2017). Issues and Challenges for Teaching Successful Online Courses in Higher Education: A Literature Review. *Journal of Educational Technology Systems*. 46(1) 4-29.
14. Martin, F., Stamper, B., & Flowers, C. (2020). Examining student perception of their readiness for online learning: Importance and confidence. *Online Learning*. 24(2), 38-58.
15. Parkes, M., Stein, S., & Reading, C. (2015). Student preparedness for university e-learning environments. *The Internet and Higher Education*. 25, 1–10.
16. Pavan Kumar, S. (2021). Impact of Online Learning Readiness on Students Satisfaction in Higher Educational Institutions. *Journal of Engineering Education Transformations*. Volume 34, Special issue, eISSN 2394-1707.
17. Rivera, J.H (2018). Online learner readiness: Strategies for learning success. *Kappa Delta Pi Record*. 54, 52–55.
18. Schunk, D. H., & Usher, E. L. (2012). Social cognitive theory and motivation. In R. M. Ryan (Ed.), *The Oxford handbook of human motivation*. Oxford, UK: Oxford University Press. (pp.13-27).
19. Singh V., Thurman A. (2019). How many ways can we define online learning? A systematic literature review of definitions of online learning (1988-2018). *American Journal of Distance Education*. 33(4), 289–306.
20. Scott-Little, C. & Maxwell, K. L. (2000). *School readiness in North Carolina: Report of the ready for school goal team*. Greensboro, NC: SERVE.
21. Taskin, N., Kerem, E. (2021). Investigation into Online Learning Readiness of Higher Education Students during COVID-19 Pandemic. *Malaysian Online Journal of Educational Technology*. 9(3), 24-39.
22. Yu, T. (2018). Examining construct validity of the student online learning readiness (SOLR) instrument using confirmatory factor analysis. *Online Learning*. 22(4), 277–288.
23. WHO tuyên bố COVID-19 là đại dịch toàn cầu. Truy cập ngày 25/10/2021, tại: <https://baochinhphu.vn/who-tuyen-bo-covid-19-la-dai-dich-toan-cau-102269461.htm>